

Bản án số: 13/2023/KDTM-PT
Ngày 04-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Diệp

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Bà Vũ Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Khánh Sơn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Ông Đỗ Văn Tú
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2023/QĐPT-KDTM ngày 10 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 21/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 31/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần QTVN; địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, tòa nhà S, số 111A P, phường BN, Quận X, Thành phố HC.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông NNC; nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện A, thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 7 năm 2019). Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Kim khí AV; địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện TN, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông VMP, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã TH huyện TN, thành phố H; chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã H, huyện TN, thành phố H; là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty). Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông ĐVP và bà ĐTT; cùng cư trú tại: Thôn Z, xã L, huyện TN, thành phố H. Ông P vắng mặt, bà T có mặt.

- Bà ĐTL; nơi cư trú: Thôn Q, xã L, huyện TN, thành phố H. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông ĐVP, bà ĐTT và bà ĐTL: Chị VTTM; nơi cư trú: Số 147 N, phường TB, thành phố HD, tỉnh HD; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 4 năm 2023). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông ĐVP, bà ĐTT và bà ĐTL: Bà PTD - Luật sư Văn phòng Luật sư TA thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Ông NVL (đã chết ngày 11 tháng 10 năm 2022); nơi cư trú trước khi chết: Thôn W, xã L, huyện TN, thành phố H.

- Bà VTH; nơi cư trú: Thôn W, xã L, huyện TN, thành phố H. Có mặt.

- Anh NVN; nơi cư trú: Thôn GL, xã LC, huyện GL, thành phố H'. Có mặt.

- Anh NVV và chị TTT; nơi cư trú: Thôn W, xã L, huyện TN, thành phố H. Vắng mặt.

- Chị NTH1; nơi cư trú: Thôn W, xã L, huyện TN, thành phố H. Vắng mặt.

- Anh NVD; nơi cư trú: Số 4/141/92 phố GN, phường TL, quận HM, thành phố H'. Vắng mặt.

4. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Văn Lợi:

- Bà VTH; nơi cư trú: Thôn 4, xã L, huyện TN, thành phố H. Có mặt.

- Anh NVN; nơi cư trú: Thôn GL, xã LC, huyện GL, thành phố H'. Có mặt.

- Anh NVV; nơi cư trú: Thôn 4, xã L, huyện TN, thành phố H. Vắng mặt.

- Chị NTH1; nơi cư trú: Thôn 4, xã L, huyện TN, thành phố H. Vắng mặt.

- Anh NVD; nơi cư trú: Số 4/141/92 phố GN, phường TL, quận HM, thành phố H'. Vắng mặt.

5. Người kháng cáo:

- Ông ĐVP - là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Bà ĐTL - là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 3 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần QTVN trình bày:

Ngày 23 tháng 01 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần QTVN (sau đây gọi tắt là V) - Chi nhánh H và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Kim khí AV (sau đây gọi tắt là Công ty AV) ký hợp đồng tín dụng với nội dung:

- Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: Theo thời hạn của từng khế ước nhận nợ.
- Lãi suất vay: Xác định tại thời điểm giải ngân là 11,6%/năm và được điều chỉnh 01 tháng/01 lần.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt thép.
- Hình thức giải ngân: Chuyển khoản.
- Phương thức trả nợ: Nợ gốc được trả vào cuối kỳ theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 06 tháng đối với mỗi khế ước; nợ lãi được trả vào ngày 01 hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Công ty AV đã thế chấp tài sản của bên thứ ba gồm:

Thứ nhất là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 738, tờ bản đồ số 05, thôn Pháp Cổ, xã L, huyện TN, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 483836, vào sổ số 00453 QSDĐ/HP-TN-LX do Ủy ban nhân dân huyện TN cấp ngày 26 tháng 7 năm 2004 cho hộ bà VTH.

Thứ hai là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa số 260, tờ bản đồ số 04, thôn 6, xã L, huyện TN, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 585884, vào sổ số H/01047 do Ủy ban nhân dân huyện TN cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006 cho ông ĐVP và bà ĐTT.

Thứ ba là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 322, tờ bản đồ số 03, thôn 12, xã L, huyện TN, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 551844, vào sổ số H/01224 do Ủy ban nhân dân huyện TN cấp ngày 30 tháng 12 năm 2006 cho ông Nguyễn Văn Đệ và bà Đỗ Thị Kim (tên gọi khác là ĐTL).

Việc thế chấp các tài sản trên đều được lập thành văn bản, công chứng theo quy định của pháp luật và được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty AV vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tính đến ngày khởi kiện, Công ty AV mới thanh toán cho V số tiền nợ gốc là 498.227.965

đồng và số tiền lãi trong hạn là 148.627.390 đồng. Vì vậy, V khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty AV phải trả ngay toàn bộ khoản nợ gốc và lãi cho V tính đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 6.388.233.788 đồng; trong đó nợ gốc là 2.501.772.035 đồng, nợ lãi trong hạn là 30.022.610 đồng và nợ lãi quá hạn là 3.856.439.143 đồng.

- Buộc Công ty AV phải tiếp tục trả cho V khoản tiền lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 cho đến khi tất toán xong khoản nợ.

- Trường hợp Công ty AV không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên và phát mại các tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án và không có lời khai.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Văn Lợi và bà VTH thống nhất trình bày:

Năm 2013, ông bà đã cho ông Ngô Văn Đại - là em trai của ông Lợi mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 738, tờ bản đồ số 05, thôn Pháp Cỏ, xã L, huyện TN, thành phố H để vay vốn làm ăn. Ông bà thừa nhận chữ ký trong hợp đồng thế chấp tài sản với V - Chi nhánh H đúng là chữ ký của ông bà nhưng ông bà không có quan hệ gì với Công ty AV. Tuy trong giấy chứng nhận quyền sử dụng ghi chủ sử dụng đất là hộ bà VTH nhưng tại thời điểm thế chấp, các con của ông bà đã có văn bản xác nhận diện tích đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên là của ông bà và không ai có ý kiến về việc ông bà thế chấp tài sản tại V - Chi nhánh H.

Trên thửa đất mà ông bà đã thế chấp cho V có một căn nhà 02 tầng, một căn nhà lợp ngói cấp 4 và khoảng 20 ngôi mộ không có người nhận. Đến tháng 10 năm 2020, anh NVV và chị TTT là vợ chồng con trai bà đã xây sửa lại toàn bộ công trình phụ và sân phía trước nhà; việc xây sửa này bà không thông báo cho V biết.

Nay V có đơn khởi kiện, ông bà đề nghị Tòa án triệu tập những người đã vay tiền và sử dụng tiền để trả nợ cho V, đồng thời trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà. Để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm, ông bà đề nghị V cho ông bà được trả nợ số tiền 200.000.000 đồng để giải chấp tài sản bảo đảm. Trường hợp tài sản thế chấp bị phát mại, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, anh NVV trình bày:

Hiện tại anh và vợ là chị TTT đang sinh sống trên diện tích 930m² đất tại thửa số 738, tờ bản đồ số 05, thôn Pháp Cổ (Thôn 4) xã L. Quá trình sinh sống trên đất, Cuối năm 2020 anh chị có sửa chữa lại toàn bộ công trình phụ. Từ trước đến nay vợ chồng anh ăn ở, sinh sống ổn định trên đất, không có tranh chấp với ai, không cho ai thuê. Các mốc giới đất vẫn giữ nguyên không thay đổi kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc bố mẹ anh là ông Lợi và bà Hanh thế chấp diện tích đất trên cho V, anh và các anh chị em đều biết và thống nhất lập biên bản xác định đây là tài sản của ông Lợi và bà Hanh, anh và những người con khác của ông Lợi và bà Hanh không có ý kiến gì về việc này. Nay V có đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, anh NVN, anh NVD, chị NTH1 và chị TTT không có ý kiến trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án, ông ĐVP và bà ĐTT thống nhất trình bày:

Năm 2013, ông bà cho cháu là Nguyễn Thị Mai Trang mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 260, tờ bản đồ số 04, thôn 6, xã L, huyện TN, thành phố H để thế chấp tại V vay vốn làm ăn, số tiền vay cụ thể là bao nhiêu thì ông bà không biết, ông bà cũng không có quan hệ gì với Công ty AV. Chữ ký trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đúng là chữ ký của ông bà. Sau khi thế chấp tài sản, ông bà hiến đất cho địa phương để mở đường nhưng không rõ diện tích cụ thể là bao nhiêu m², sau khi hiến đất, ông bà đã xây dựng lại tường bao phía trước nhà, ngoài ra không xây sửa gì khác. Đối với yêu cầu khởi kiện của V, ông bà đề nghị các bên liên quan, người trực tiếp vay tiền phải trả nợ cho V để trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông bà.

Quá trình giải quyết vụ án, bà ĐTL trình bày:

Năm 2013 bà cho con gái là Nguyễn Thị Mai Trang mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay vốn tại ngân hàng lấy tiền kinh doanh. Sau đó, chị Trang đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn Quảng (là em trai của ông Ngô Văn Lợi) để làm thủ tục vay vốn tại V, số tiền vay cụ thể là bao nhiêu thì bà không biết, bà không có quan hệ gì với Công ty AV. Bà là người trực tiếp xuống Văn phòng công chứng để làm thủ tục, trực tiếp ký kết hợp đồng thế chấp và các giấy tờ với V. Từ thời điểm thế chấp đến nay, diện tích đất và các tài sản trên đất vẫn giữ nguyên hiện trạng, không thay đổi các mốc giới, không cho ai mượn, không cho ai thuê, không có tranh chấp với ai. Nay V có đơn khởi kiện, bà đề nghị Tòa án triệu tập ông Ngô Văn Quảng đến tòa để làm rõ.

Với nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 10/2022/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TN đã căn cứ vào các điều 30, 35, 39, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 99, 147 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 122, 323, 343, 355, 471, 474, 715 và 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 117, 298, 299, 463, 466, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 130 của Luật

đất đai năm 2003; các điều 90, 91 và 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần QTVN, cụ thể như sau:

1.1. Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Kim khí AV phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần QTVN số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tính đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 6.388.233.788 đồng, trong đó nợ gốc là 2.501.772.035 đồng, nợ lãi trong hạn là 30.022.610 đồng và nợ lãi quá hạn là 3.856.439.143 đồng.

1.2. Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Kim khí AV phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 044/HĐTD2-V32/13 ngày 23 tháng 01 năm 2013 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần QTVN thì lãi suất mà Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Kim khí AV phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần QTVN theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần QTVN và phù hợp với quy định của pháp luật.

1.3. Trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Kim khí AV không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần QTVN thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần QTVN có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp sau để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo các hợp đồng thế chấp số: 044.02/2013/017/BĐ ngày 25 tháng 01 năm 2013, số công chứng 0386.CVN/2013.HĐTC, quyền số 01.AP-TP/CC-SCC/HĐGD chứng nhận ngày 25 tháng 01 năm 2013; 044.01/2013/017/BĐ ngày 25 tháng 01 năm 2013, số công chứng 0385.CVN/2013.HĐTC, quyền số 01.AP-TP/CC-SCC/HĐGD chứng nhận ngày 25 tháng 01 năm 2013; 044.03/2013/017/BĐ ngày 25 tháng 01 năm 2013, số công chứng 0384.CVN/2013.HĐTC, quyền số 01.AP-TP/CC-SCC/HĐGD chứng nhận ngày 25 tháng 01 năm 2013 tại Văn Phòng công chứng An Phát, thành phố Hải Phòng và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Văn Phòng đăng ký đất đai huyện TN đúng quy định của pháp luật vào ngày 25 tháng 01 năm 2013 đã ký giữa bên thế chấp và Ngân hàng Thương mại Cổ phần QTVN - bên nhận thế chấp để thu hồi nợ theo đúng quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp bao gồm:

Tài sản I: Quyền sử dụng đất là 930m² đất ở cùng toàn bộ tài sản trên diện tích 930m² đất này theo sơ đồ hiện trạng của Hội đồng thẩm định có các mốc giới là: 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-16-17-1 mà không bao gồm phần diện tích có các ngôi mộ có tổng diện tích là 113,6m² (bao gồm: Diện tích mộ xây hiện trạng là 29,6m² trong đó có diện tích quy hoạch mở lối đi là 6,5m² và phần diện tích quy hoạch khu mộ xây hiện trạng trên thửa đất là 84m²) tại thửa đất số 738 của tờ bản đồ số 05; địa chỉ: Thôn Pháp Cổ, xã L, huyện TN, thành phố H; đã được Ủy ban nhân dân huyện TN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 483836, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00453 QSDĐ/HP-TN-LX ngày 26 tháng 7 năm 2004 cho chủ sử dụng là hộ bà VTH có các mốc giới tại Sơ đồ hiện trạng của Hội đồng thẩm định (kèm theo Bản án).

Không chấp nhận yêu cầu phát mại diện tích đất là phần diện tích có các ngôi mộ cát táng có tổng diện tích là 113,6m² bao gồm: Diện tích mộ xây hiện trạng là 29,6m² trong đó có diện tích quy hoạch mở lối đi là 6,5m² và phần diện tích quy hoạch khu mộ xây hiện trạng trên thửa đất là 84m² thể hiện tại các mốc giới và mã số các ngôi mộ như sau: a-b-c-d-M1-e-f-g-h-i-k-l-m-n-o-p-a có diện tích là 84m²; hiện trạng thực tế phần diện tích xây dựng mộ hiện trạng của các ngôi mộ mang mã số gồm: M14; M15; M16; M17 cùng diện tích mở lối đi vào mộ là: 29,6m² (Có Sơ đồ hiện trạng của Hội đồng thẩm định cụ thể kèm theo bản án).

Tài sản II: Quyền sử dụng đất diện tích 430m² đất ở và tài sản trên đất tại thửa đất số 260 của tờ bản đồ số 04; địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện TN, thành phố H; đã được Ủy ban nhân dân huyện TN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 585884, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/01047 ngày 20 tháng 10 năm 2006 cho chủ sử dụng là ông ĐVP và bà ĐTT theo mốc giới 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-16-17-18-1 tại Sơ đồ hiện trạng của Hội đồng thẩm định (kèm theo Bản án).

Tài sản III: Quyền sử dụng đất diện tích 470m² đất ở và tài sản trên đất tại thửa đất số 322 của tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Thôn 12, xã L, huyện TN, thành phố H; đã được Ủy ban nhân dân huyện TN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 551844, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H/01224 ngày 30 tháng 12 năm 2006 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn Đệ và bà Đỗ Thị Kim (tên gọi khác là ĐTL) theo mốc giới là 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-1 tại Sơ đồ hiện trạng của Hội đồng thẩm định (kèm theo Bản án).

1.4. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp I sau khi trả nợ cho ngân hàng còn dư sẽ được trả lại phần dư cho gia đình bà VTH gồm: Bà VTH và ông Ngô Văn Lợi; anh NVV và TTT. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp II sau khi trả nợ cho ngân hàng còn dư sẽ được trả lại phần dư cho ông ĐVP và bà ĐTT. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp III sau khi trả nợ cho ngân hàng còn dư sẽ được trả lại phần dư cho bà

ĐTL.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại kim khí AV phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần QTVN cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

2. Tách giải quyết phân dân sự là quan hệ pháp luật dân sự giữa anh NVV, TTT và ông Lợi, bà Hanh giải quyết trong một vụ việc khác khi các bên có yêu cầu.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Kim khí AV phải nộp 114.388.233 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần QTVN số tiền tạm ứng án phí 57.504.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002453 ngày 02 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà ĐTL và ông ĐVP có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chị Nguyễn Thị Mai Trang, chị Nguyễn Thị Huyền - là những người đã sử dụng khoản tiền vay của Công ty AV tại V và anh Nguyễn Văn Tuyên - là người nộp tiền lãi hàng tháng cho V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là thiếu sót. Bà ĐTL và ông ĐVP, bà ĐTT chỉ đồng ý cho chị Nguyễn Thị Mai Trang mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay 500.000.000 đồng nhưng hợp đồng thế chấp lại thể hiện để đảm bảo cho khoản vay 1.250.000.000 đồng là không đúng với ý chí, nguyện vọng của các ông, bà. Ngoài ra, bản án có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật khi cho rằng phía bị đơn không đến Tòa án và không có ý kiến trình bày là coi như đồng ý với số tiền nợ và đây là sự kiện pháp lý không cần chứng minh. Tại mục 1.4 phần quyết định của bản án sơ thẩm cũng tuyên không rõ ràng về số tiền nợ của V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án với lý do Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu người tham gia tố tụng; trình tự, thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ chưa đảm bảo đúng quy định của pháp luật; chưa đánh giá khách quan, toàn diện tính hợp pháp của việc thế chấp tài sản giữa V và bà ĐTL.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Các đương sự về cơ bản đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia

tổ tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc kháng cáo của bà ĐTL và ông ĐVP đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 470m² đất tại thửa số 322, tờ bản đồ số 03, xóm 12, xã L, huyện TN, thành phố H đã được Ủy ban nhân dân huyện TN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đệ và bà Đỗ Thị Kim (tức ĐTL). Tại thời điểm thế chấp, ông Đệ đã chết, mặc dù những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đệ đã có văn bản tặng cho bà Lương phần di sản mà họ được hưởng nhưng việc tặng cho chưa được đăng ký biến động đất đai. Vì vậy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đệ và những người đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Việc bà Lương với tư cách là người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Văn Công thiết lập giao dịch tặng cho di sản với chính mình khi anh Công chưa đủ 18 tuổi là không đúng quy định tại Điều 144 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Mặt khác, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tách phần dân sự giữa anh NVV, chị TTT và ông Ngô Văn Lợi, bà VTH giải quyết trong một vụ việc khác là không phù hợp với quy định của pháp luật vì trong vụ án này không ai yêu cầu Tòa án giải quyết về nội dung trên. Ngoài ra, việc xác định phạm vi bảo đảm trong bản án sơ thẩm cũng không cụ thể, không rõ ràng, gây khó khăn cho công tác thi hành án vì mỗi tài sản thế chấp chỉ để đảm bảo cho một khoản vay nhất định. Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên lãi suất chậm thi hành án trên số nợ gốc là không đúng quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NĐ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trong trường hợp này phải tuyên lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền còn phải thi hành án.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; án phí sơ thẩm sẽ được tính lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn có trụ sở tại thôn 3, xã Thủy Sơn, huyện TN, thành phố H. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện TN thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, người không kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo là Công ty AV và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh NVV, chị TTT, chị NTH1 và anh NVD đã được Tòa án triệu tập hợp lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, ông ĐVP, bà ĐTT và bà ĐTL có lời khai trình bày, các ông, bà cho chị Nguyễn Thị Mai Trang mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay vốn tại ngân hàng; các ông, bà không biết và không có quan hệ gì với Công ty AV. Tuy nhiên, trong hợp đồng thế chấp ghi rõ bên vay tiền là Công ty AV; ông Phương, bà Toan và bà Lương cũng thừa nhận chữ ký trong hợp đồng thế chấp đúng là chữ ký của mình. Vì vậy, mặc dù ông Phương, bà Toan và bà Lương cho rằng không có quan hệ gì với Công ty AV nhưng khi ký hợp đồng thế chấp, những người này đã biết và buộc phải biết mình ký hợp đồng thế chấp để vay tiền cho ai.

[4] Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Công ty AV và V; vì vậy, Công ty AV phải chịu trách nhiệm đối với khoản nợ của V, còn chủ thể đã vay tiền của Công ty AV (nếu có) phải chịu trách nhiệm với Công ty AV. Vì vậy, việc chị Trang khai đã cùng chị Nguyễn Thị Huyền nhận số tiền 500.000.000 đồng và hàng tháng phải trả lãi cho V là quan hệ giữa những người trên với Công ty AV, không liên quan đến khoản nợ giữa Công ty AV và V. Vì vậy, kháng cáo của ông Phương và bà Lương cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót khi không đưa chị Nguyễn Thị Mai Trang, chị Nguyễn Thị Huyền và anh Nguyễn Văn Tuyên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ.

[5] Hợp đồng thế chấp tài sản giữa V - Phòng Giao dịch huyện TN và bà ĐTL được ký kết trên cơ sở tự nguyện; chủ thể ký kết hợp đồng là người có năng lực hành vi dân sự và đủ thẩm quyền ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 470m² đất tại thửa số 322, tờ bản đồ số 03, xóm 12, xã L, huyện TN, thành phố H được Ủy ban nhân dân huyện TN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đệ và bà Đỗ Thị Kim (tức ĐTL). Ngày 18 tháng 9 năm 2006, ông Đệ chết; sau khi ông Đệ chết, ngày 23 tháng 01 năm 2013, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đệ gồm bà ĐTL, ông Nguyễn Văn Lánh, bà Mạc Thị Thoải, anh Nguyễn Văn Dương, chị Nguyễn Thị Lệ Giang, anh Nguyễn Văn Công và chị Nguyễn Thị Mai Trang đã lập văn bản khai nhận di sản và thống nhất tặng cho bà ĐTL phần di sản thừa kế mà họ được hưởng của ông Nguyễn Văn Đệ là quyền sử dụng diện tích 470m² tại thửa số 322, tờ bản đồ số 03, xóm 12, xã L, huyện TN, thành phố H và tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4, diện tích xây dựng 56m².

[6] Việc tặng cho di sản nêu trên đã được công chứng theo quy định của pháp luật nhưng chưa được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 692 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Vì vậy, việc bà Lương thế chấp quyền sử dụng đất khi chưa được đăng ký biến động về chủ sử dụng đất là không đúng quy định của pháp luật. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn ghi tên chủ sử dụng đất bao gồm cả ông Nguyễn Văn Đệ. Do đó, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đệ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[7] Tại thời điểm ký văn bản tặng cho di sản, anh Nguyễn Văn Công là người chưa thành niên (chưa đủ 18 tuổi). Tuy nhiên, bà ĐTL - với tư cách là người đại diện theo pháp luật (mẹ đẻ) của anh Công lại xác lập giao dịch dân sự (tặng cho phần di sản mà anh Công được hưởng) với chính mình là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 144 của Bộ luật Dân sự năm 2005 về phạm vi đại diện.

[8] Ngoài ra, tại giai đoạn sơ thẩm, bà Lương có lời khai trình bày đang sống cùng vợ chồng con trai là anh Nguyễn Văn Công trên thửa đất đã thế chấp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không lấy lời khai và không đưa vợ chồng anh Công - là những người đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét công sức đóng góp của những người này đối với tài sản đã thế chấp là có thiếu sót. Tại cấp phúc thẩm, anh Công và vợ là chị Tôn Thị Hương có nhiều đơn kiến nghị, trong đó thể hiện nội dung anh chị có công sức đóng góp trong việc xây dựng các công trình trên đất và đề nghị Tòa án xác định họ là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[9] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh NVD và anh NVN qua dịch vụ bưu chính. Tuy nhiên, các văn bản tố tụng gồm quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và bản án gửi đến anh Ninh đều thể hiện trên định vị bưu gửi là phát hoàn thành công (riêng đối với anh Duy là bản án phát hoàn thành công). Điều này thể hiện anh Duy và anh Ninh không nhận được các văn bản tố tụng nêu trên. Như vậy, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Duy và anh Ninh qua dịch vụ bưu chính không đảm bảo đúng quy định tại khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc không được tham gia phiên tòa và không nhận được bản án đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh Duy và anh Ninh, đây cũng là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

[10] Theo thỏa thuận tại khoản 1 và khoản 3 Điều 1 của các hợp đồng thế chấp giữa vợ chồng ông Phương, bà Lương và V thì bên thế chấp đồng ý thế

chấp những tài sản của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với V bao gồm nợ gốc, lãi vay, lãi quá hạn v.v... theo các hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, LC và các nghĩa vụ khác của bên vay (Công ty AV) tại V được ký giữa hai bên trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 01 năm 2013 đến ngày 23 tháng 01 năm 2023 và tài sản này được đảm bảo nhưng không giới hạn chỉ cho khoản vay nêu trên; phần giá trị chênh lệch thừa (nếu có) giữa giá trị tài sản bảo đảm và tổng các nghĩa vụ trả nợ nêu tại Điều 1 của hợp đồng được đảm bảo cho toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ khác của bên vay cho V. Trong Hợp đồng tín dụng được ký kết ngày 23 tháng 01 năm 2013 giữa V và Công ty AV cũng thể hiện rõ các tài sản thế chấp nêu trên để đảm bảo cho khoản vay 3.000.000.000 đồng của Công ty AV tại V. Như vậy, tài sản thế chấp của ông Phương, bà Toan và bà Lương là để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty AV tại V, chứ không chỉ đảm bảo cho khoản vay 500.000.000 đồng như ý kiến các đương sự đã trình bày trong đơn kháng cáo.

[11] Tại mục 1.4 phần quyết định của bản án nêu: *“Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp I sau khi trả nợ cho ngân hàng còn dư sẽ được trả lại phần dư cho gia đình bà VTH gồm bà VTH và ông Ngô Văn Lợi, anh NVV và chị TTT...”*. Tuy nhiên, tại mục 2 phần quyết định của bản án lại nêu: *“Tách giải quyết phần dân sự là quan hệ pháp luật dân sự giữa anh NVV, chị TTT và ông Lợi, bà Hanh giải quyết trong 01 vụ việc khác khi các bên có yêu cầu”*. Cách tuyên án như trên là có mâu thuẫn vì bản án sơ thẩm vừa quyết định khoản tiền còn dư được trả lại cho AV và chị Thuyết, vừa tuyên phần dân sự giữa AV, chị Thuyết và ông Lợi, bà Hanh sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 10 năm 2022, ông Lợi chết. Vì vậy, việc bản án sơ thẩm tuyên số tiền dư sẽ được trả lại cho ông Ngô Văn Lợi (hiện đã chết) cũng sẽ gây khó khăn cho việc thi hành án.

[12] Mặt khác, vụ án do Tòa án nhân dân huyện TN thụ lý, giải quyết; tuy nhiên, trong các biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ đều thể hiện chủ thể tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp là Tòa án nhân dân thành phố H, đến phần cuối biên bản lại ghi tên Thẩm phán Nguyễn Văn Vân và đóng dấu của Tòa án nhân dân huyện TN là có thiếu sót.

[13] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Vì vậy, cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại để đảm bảo khách quan, toàn diện, đúng quy định của pháp luật.

[14] Về án phí sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[15] Về án phí phúc thẩm: Bản án sơ thẩm bị hủy để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, vì vậy người kháng cáo là ông ĐVP và bà ĐTL không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại ông ĐVP tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. Đối với bà ĐTL là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tạm ứng án phí nên Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Lương.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 148, 173, 175, 296, khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Hủy Bản án sơ thẩm số 10/2022/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố H về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần QTVN và bị đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Kim khí AV.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố H giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí:

- Trả lại ông ĐVP 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) - tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0008261 ngày 25 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, thành phố H.

- Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS huyện TN;
- TAND huyện TN;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Bích Diệp

